

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10
Trường THPT Phạm Văn Đồng năm học 2026 - 2027

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú, tuyển sinh vào lớp 10 các trường trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-SGDĐT ngày 10/6/2026 của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng về việc thành lập các Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026 - 2027;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh Trường THPT Phạm Văn Đồng tại Tờ trình số 219/TTr-THPTPVĐ ngày 06/8/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Phạm Văn Đồng năm học 2026 - 2027 gồm 560 học sinh (có danh sách đính kèm).

Điều 2. Giao Hiệu trưởng Trường THPT Phạm Văn Đồng thông báo danh sách trúng tuyển, tiếp nhận học sinh trúng tuyển vào nhập học theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng các đơn vị, Hiệu trưởng Trường THPT Phạm Văn Đồng và những học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Đức Lợi

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Phạm Văn Đồng năm học 2026-2027
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGDĐT ngày tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Sở GDĐT)

STT	Họ và tên		Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
1	THỊ XÊ	A	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	30/01/2011	Bon Ja Lú, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
2	BÙI LÊ QUỐC	AN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	16/10/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
3	ĐÌNH LONG	AN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	14/01/2011	Thôn Tân Lợi, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
4	ĐỖ NGỌC TÂM	AN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/08/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
5	GIP DU THÁI	AN	Lâm Đồng	Nam	Hoa	17/07/2011	Thôn 3, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
6	KIỀU NHẤT	AN	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30/07/2011	Thôn 2a, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0			NV1
7	NGUYỄN NGỌC THIÊN	AN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/04/2011	Thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
8	NGUYỄN TRƯỞNG HÀ	AN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	08/12/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
9	PHAN THỊ THUÝ	AN	Nghệ An	Nữ	Kinh	02/06/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
10	PHẠM LÊ BẢO	AN	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31/01/2011	Thôn 3, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
11	TRẦN BẢO	AN	Hưng Yên	Nữ	Kinh	26/09/2011	Bon Bu Dong, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
12	VŨ BÙI THỊ KHÁNH	AN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/12/2011	Thôn 11, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
13	VŨ ĐỨC BẢO	AN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/09/2011	Thôn 15, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
14	BÙI THỊ VÂN	ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/06/2011	Thôn 6, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
15	CHÂU NHẬT	ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	14/10/2011	Bon Đắk B'Lao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
16	HỒ TRẦN TUẤN	ANH	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	18/08/2011	Thôn 7, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
17	LÊ PHẠM QUỲNH	ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/12/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1

18	LÊ TUẤN	ANH	Đồng Tháp	Nam	Kinh	12/08/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
19	LÝ VĂN ĐỨC	ANH	Đắk Lắk	Nam	Dao	05/11/2011	Bon Bu Dong, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
20	NGÔ NGUYỄN TRÂM	ANH	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	18/03/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
21	NGUYỄN HOÀNG GIA	ANH	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	09/05/2011	thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
22	NGUYỄN LÂM QUANG	ANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	03/10/2011	Bon Bu Đách, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
23	NGUYỄN LÊ MINH	ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/12/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
24	NGUYỄN LÊ QUỲNH	ANH	Quảng Trị	Nữ	Kinh	30/04/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
25	NGUYỄN QUỲNH	ANH	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	18/03/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
26	NGUYỄN QUỲNH	ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	18/08/2011	thôn 15, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
27	NGUYỄN TRẦN TUẤN	ANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	26/11/2011	Thôn 4, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
28	NGUYỄN TUẤN	ANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/02/2011	Thôn 3a, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
29	PHẠM HOÀNG	ANH	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	23/12/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
30	TRẦN MAI	ANH	Nghệ An	Nữ	Kinh	01/07/2011	Thôn Quảng Sơn, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
31	VŨ THỊ LAN	ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	16/04/2011	thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
32	LÊ PHAN MINH	ÁNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/12/2011	Thôn 4, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
33	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	Quảng Trị	Nữ	Kinh	25/03/2011	thôn 8, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
34	NGUYỄN VÕ NHẬT	ÁNH	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	06/04/2011	Bon Bu Dong xã Tuy Đức Tỉnh Lâm Đồng, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
35	PHÙNG NGỌC	ÁNH	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	30/06/2011	Thôn Hưng Bình 1, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
36	LÂM THIÊN	ÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	22/09/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
37	NGUYỄN THỊ KIỀU	ÂN	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	26/09/2011	Thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
38	THỊ	ÂN	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	07/01/2011	Bon Diêng Ngaih, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
39	HỒ NGỌC	ÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	26/09/2011	Thôn 8, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
40	THỊ	BAC	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	18/04/2011	Thôn 3, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
41	BÙI QUỐC	BẢO	Đắk Lắk	Nam	Kinh	19/06/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
42	BÙI TRẦN GIA	BẢO	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	07/07/2011	Thôn 3A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
43	BÙI XUÂN	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/01/2011	Bon Diêng Đu, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
44	HOÀNG GIA	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/11/2011	thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1

45	LÊ HUY	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/02/2011	thôn 1, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
46	NGÔ HOÀNG GIA	BẢO	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	02/07/2011	Thôn 8, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
47	NGUYỄN ĐĂNG	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	12/05/2011	Thôn 9, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
48	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	16/02/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			33.0	33.0			NV1
49	NGUYỄN GIA	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/05/2011	Thôn 10, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
50	NGUYỄN THÁI	BẢO	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	25/08/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
51	NGUYỄN TRẦN HUY	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	21/10/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
52	NÔNG THIÊN	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Nùng	30/12/2011	Thôn Doãn Văn, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
53	PHẠM CÔNG	BẢO	TP. Đà Nẵng	Nam	Kinh	12/06/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
54	TRẦN CHU QUỐC	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	06/01/2011	Thôn 9, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
55	LÊ DUY	BÁ	TP. Đà Nẵng	Nam	Kinh	12/08/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
56	BÙI HOÀNG	BÁCH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/08/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
57	PHẠM CÔNG HOÀNG	BÁCH	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	22/10/2011	Bản Giang Châu, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
58	NGUYỄN QUANG	BÌNH	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	27/09/2011	Thôn 4, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
59	NGUYỄN TRÍ	BÌNH	Lâm Đồng	Nam	Tày	04/08/2011	Thôn 8, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
60	VÕ VĂN	BÌNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/04/2011	Thôn 17, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
61	VŨ ĐỨC	BÌNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/09/2011	Thôn 15, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
62	THỊ	BÍCH	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	03/03/2011	Bon Jang Kriêng, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
63	LÊ BẢO	CHÂU	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	14/12/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
64	NGUYỄN NGỌC	CHÂU	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	08/01/2011	Thôn 17, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
65	TẶNG NGUYỄN DIỆU	CHÂU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/07/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
66	LÊ TRÚC	CHI	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	28/11/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
67	THỊ	CHIỀU	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	19/05/2011	Thôn Đăk Quong, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
68	LÊ THỊ TUYẾT	CHINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/07/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
69	NGUYỄN KHẮC	CHÍ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29/07/2011	Thôn 14, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
70	PHẠM MẠNH	CHỨC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	19/01/2011	Thôn 12, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1

71	NGUYỄN TRẦN HUYỀN	CƠ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/11/2011	Thôn 12, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
72	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/04/2011	Thôn 1A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
73	THỊ	DIỄM	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	05/11/2011	Bon Đăk B'lao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
74	H'	DIỆP	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	25/07/2011	Bon Đăk B'lao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
75	PHAN HỒ HUYỀN	DIỆU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	14/02/2011	Thôn 17, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
76	PHẠM VĂN	DIỆU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/05/2011	Thôn 9, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0			NV1
77	CAO THỊ KIM	DUNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	03/01/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
78	PHAN HẠNH	DUNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/11/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			33.0	33.0			NV1
79	ĐINH QUỐC	DUY	Lâm Đồng	Nam	Mường	29/05/2011	Thôn Đăk sin 16, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
80	LÊ PHAN QUỐC	DUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	22/08/2011	Thôn 1A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
81	NGUYỄN MINH	DUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28/06/2011	Thôn Sadaco, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
82	NGUYỄN QUANG	DUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27/10/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			33.0	33.0			NV1
83	NGUYỄN QUANG HỒNG	DUYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Thái	12/01/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
84	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	Hung Yên	Nữ	Kinh	16/03/2011	Bon Bu Dong, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
85	HÀ TUẤN	DỪNG	Thanh Hóa	Nam	Kinh	26/10/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
86	KIỀU MẠNH	DỪNG	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	03/11/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
87	NDONG LÊ TRÍ	DỪNG	Lâm Đồng	Nam	Cơ-ho	12/11/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
88	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	DỪNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/09/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
89	NGUYỄN VĂN	DỪNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	24/06/2011	Thôn 1, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
90	ĐOÀN PHÚ NAM	DƯƠNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/08/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
91	LÊ TRỌNG	DƯƠNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27/03/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
92	PHẠM ĐỨC	DƯƠNG	Ninh Bình	Nam	Kinh	29/03/2011	Thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
93	HOÀNG PHẠM HẠNH	ĐAN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/01/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1

94	LÊ ĐỖ LINH	ĐAN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/07/2011	Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0			NV1
95	PHẠM LINH	ĐAN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/12/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
96	HOÀNG TÂN	ĐẠI	Lâm Đồng	Nam	Nùng	08/05/2011	Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
97	BÙI QUANG	ĐẠT	TP. Đà Nẵng	Nam	Kinh	04/08/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
98	HỒ VIỆT	ĐẠT	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	22/10/2011	Thôn Đăk sin 16, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			33.0	33.0			NV1
99	LÊ ANH	ĐẠT	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	22/11/2011	Bon Bu Mlanh B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
100	LÊ TIẾN	ĐẠT	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	14/08/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
101	TRƯƠNG ĐỨC	ĐẠT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/10/2011	Thôn 5, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0			NV1
102	VŨ HOÀNG PHONG	ĐẠT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	19/07/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
103	CAO HUY	ĐĂNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	14/09/2010	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
104	MAI VĂN	ĐĂNG	Lâm Đồng	Nam	Chơ-ro	18/01/2011	Bon Jang Kriêng, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
105	VÕ MINH	ĐĂNG	Đắk Lắk	Nam	Kinh	02/02/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
106	ĐIỀU	ĐIỆP	Lâm Đồng	Nam	Mnông	14/12/2011	Bon Diêng Ngaih, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
107	LÊ THỊ HỒNG	ĐIỆP	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/02/2011	bon Bu Dâng, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
108	NGUYỄN TRẦN THỰC	ĐOAN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12/09/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0			NV1
109	LÊ HUY	ĐỒNG	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	29/12/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
110	PHẠM MINH	ĐỨC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	14/11/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
111	TRẦN HỮU	ĐỨC	Lâm Đồng	Nam	Hoa	21/04/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
112	THỊ	GÁM	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	03/09/2011	Bon NDRong B, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
113	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	GIANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	26/05/2011	Bon La Lú B, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0			NV1
114	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/07/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
115	NGUYỄN TRÀ	GIANG	Nghệ An	Nữ	Kinh	02/07/2011	Thôn 8, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
116		H'MIKA	Đắk Lắk	Nữ	Mnông	03/03/2010	Bon Đăk N'Jút, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
117	TRẦN THANH	HÀ	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	07/12/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1

118	TRIỆU THỊ THANH	HÀ	Lâm Đồng	Nữ	Dao	24/08/2011	thôn Doãn Văn, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
119	VI TRƯỞNG THANH	HÀ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/08/2011	Thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
120	ĐÌNH KÍNH	HÀO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	21/09/2011	Bon Jâng Kriêng, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
121	PEI TRƯỜNG	HẢI	Lâm Đồng	Nam	Hoa	22/03/2011	Thôn Đăk Ru 8, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		24.0	25.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
122	TRIỆU HOÀNG TIẾN	HẢI	Lâm Đồng	Nam	Dao	06/12/2011	Thôn Doãn Văn, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
123	ĐẶNG THỊ HỒNG	HẠNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/08/2011	bon Đăk Blao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
124	NGUYỄN THANH	HẰNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/02/2010	Thôn 4, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
125	NGUYỄN THỊ TRÚC	HẰNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/04/2011	Bon Bu NĐor A, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0			NV1
126	TRẦN PHẠM NGUYỆT	HẰNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	23/01/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0			NV1
127	VÕ THU	HẰNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/02/2011	Bon Bu Dong, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
128	ĐỖ KHÁNH	HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/01/2011	thôn 9, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
129	NGUYỄN HOÀNG NHÃ	HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31/01/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0			NV1
130	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	03/06/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
131	NGUYỄN THỊ BẢO	HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/04/2011	Thôn 8, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
132	TÔN NỮ GIA	HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/01/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
133	LÊ THỊ THANH	HIỀN	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	29/10/2011	Bon Mê Ra, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
134	LÊ THỊ THU	HIỀN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/08/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
135	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	28/06/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
136	NGUYỄN THU	HIỀN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/04/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
137	PHAN THỊ NGỌC	HIỀN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/05/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
138	VŨ THỊ	HIỀN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/02/2011	thôn 10, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
139	LÊ MINH	HIẾU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	09/10/2011	thôn 15, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1

140	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	06/05/2011	Thôn 10, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
141	TRẦN BÁ	HIẾU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/11/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
142	TRẦN QUANG	HIẾU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28/05/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
143	VŨ VĂN	HIẾU	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	30/05/2011	thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
144	LÝ TRẦN	HIỆP	Lâm Đồng	Nam	Khơ-me	15/04/2010	Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
145	LÊ HUỖNH	HOA	Cà Mau	Nữ	Kinh	04/09/2010	Thôn 6, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
146	NGUYỄN THY THU	HOÀI	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	19/08/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
147	BÙI ĐOAN	HOÀNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30/05/2011	Thôn 8, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
148	LÊ VŨ	HOÀNG	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	11/01/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
149	TRẦN CÔNG	HOÀNG	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	14/06/2011	Thôn 11, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
150	TRẦN DUY	HOÀNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/06/2011	Thôn 3a, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
151	TRẦN MINH	HOÀNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/03/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
152	CAO MINH	HÓA	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/12/2011	Bon Bu Dong, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
153	PHẠM VĂN	HÔNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31/12/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
154	THỊ	HÔNG	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	30/03/2011	Bon Diêng Ngaih, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
155	ĐIỀU KI	HUN	Lâm Đồng	Nam	Mnông	18/09/2011	Bon Diêng Ngaih, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
156	AI	HUY	Đắk Lắk	Nam	Bru Vân kiều	23/08/2011	thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
157	HOÀNG QUỐC	HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/06/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
158	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	06/07/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
159	NGUYỄN GIA	HUY	Đắk Lắk	Nam	Kinh	04/04/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
160	NGUYỄN TƯỜNG	HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	09/12/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
161	NGUYỄN VIỆT	HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	16/08/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
162	PHẠM NGUYỄN	HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/05/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
163	TRẦN VÕ NHẬT	HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/04/2011	Thôn Quảng Chánh, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
164	VŨ VĂN	HUY	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	30/05/2011	thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
165	BÙI THU	HUYỀN	Lâm Đồng	Nữ	Thái	28/07/2011	Bon Bu Lum Quảng Trục, Xã Quảng Trục, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
166	PHAN THỊ NGỌC	HUYỀN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12/03/2011	Bon Ja lú A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm	1.0		30.0	31.0			NV1

							Đồng							
167	ĐOÀN LÊ	HÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	22/03/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
168	VÕ PHI	HÙNG	Gia Lai	Nam	Kinh	09/02/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
169	HỒ HOÀNG GIA	HUÏNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/11/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
170	NGUYỄN CAO GIA	HUÏNG	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30/10/2011	Bon Bu NĐor B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
171	VÕ TUẤN	HUÏNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/03/2011	Thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
172	LÊ TRẦN THANH	HUÏNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	14/10/2011	Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
173	NGUYỄN HỒ QUỲNH	HUÏNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/04/2011	Thôn 8, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
174	NGUYỄN THỊ THANH	HUÏNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	17/09/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
175	NGUYỄN THU	HUÏNG	Lâm Đồng	Nữ	Tày	11/07/2011	Thôn 5, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0			NV1
176	TRẦN THIÊN	HUÏNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	14/11/2011	thôn 7, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
177	VÛ THỊ THU	HUÏNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31/01/2011	Thôn 11, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
178	ĐIỀU	KHA	Lâm Đồng	Nam	Mnông	06/05/2011	Bon Diêng Ngaih, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
179	ĐINH AN	KHANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	17/10/2010	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
180	LÊ DUY	KHANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/12/2011	thôn 8, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
181	NGUYỄN AN	KHANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	13/08/2011	thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
182	NGUYỄN AN	KHANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/06/2011	Thôn 9, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
183	PHAN HOÀNG BẢO	KHANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	03/09/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
184	PHẠM NGỌC NGUYỄN	KHANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/10/2011	Thôn 5, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
185	ĐIỀU	KHÁNH	Lâm Đồng	Nam	Mnông	18/03/2011	Bon Bu Mlanh A, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
186	LA MINH	KHÁNH	Lâm Đồng	Nam	Hoa	02/09/2011	Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
187	LÊ NGÔ VÂN	KHÁNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	29/07/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
188	LÊ VĂN	KHÁNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/03/2011	Thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
189	NGUYỄN NGÂN	KHÁNH	Gia Lai	Nữ	Kinh	02/12/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
190	NGUYỄN QUANG	KHÁNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/09/2011	Thôn 4, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
191	NGUYỄN THỊ NGÂN	KHÁNH	An Giang	Nữ	Kinh	14/08/2011	Thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
192	LÊ NGUYỄN ANH	KHOA	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30/06/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1

193	NGUYỄN ANH	KHOA	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	20/08/2011	Bon Ja Lú B, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
194	TRẦN ĐĂNG	KHOA	Đắk Lắk	Nam	Kinh	10/02/2011	Thôn 20, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
195	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	29/04/2011	thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
196	NGUYỄN VÕ NGỌC	KHƯỞNG	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	28/03/2011	Thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
197	NGUYỄN ĐỨC	KIÊN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/03/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
198	HOÀNG ANH	KIỆT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/11/2011	Thôn 15, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
199	HOÀNG KHẢI	KIỆT	Lâm Đồng	Nam	Tây	24/03/2011	Bon Bu Nđor A, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
200	HOÀNG KHÔI	KIỆT	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	01/11/2011	Thôn 17, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
201	HỒ QUỐC	KIỆT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/02/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
202	PHAN ANH	KIỆT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/07/2011	Thôn 15, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
203	LÂM THỊ THU	KIM	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	29/04/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
204	NGUYỄN THỊ HIỀN	LAM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/02/2011	Thôn 4, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
205	NGUYỄN THỊ THANH	LAM	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	29/05/2011	Bon Za Lú A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
206	LÀU TUYẾT	LAN	TP. Đồng Nai	Nữ	Hoa	24/02/2011	Bon Bu Mlanh B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
207	TẠ THỊ DƯƠNG	LAN	Lâm Đồng	Nữ	Sán Diu	29/06/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
208	VÕ PHẠM MAI	LAN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/09/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
209	NGÔ THIÊN	LÂM	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	11/06/2011	Bon Ja Lú, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
210	VÕ ĐỨC	LÂM	Đắk Lắk	Nam	Kinh	01/03/2011	Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
211	VŨ NGUYỄN LINH	LÂM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/03/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
212	NGUYỄN HỒNG	LIÊM	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/10/2010	Thôn 8, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
213	DƯƠNG PHƯƠNG	LINH	Quảng Trị	Nữ	Kinh	07/03/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
214	ĐÀO LÊ KHÁNH	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/05/2011	Thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
215	ĐOÀN NGỌC KHÁNH	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/08/2011	Thôn 1, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
216	HOÀNG THỊ TRÚC	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/12/2011	Thôn 11, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
217	LÊ THỊ MỸ	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/07/2011	Bon Bu Mlanh B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
218	LÊ THỊ TRÚC	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12/10/2011	Thôn Đăk sin 12, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1

219	LÊ VŨ PHƯƠNG	LINH	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	07/07/2011	Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
220	NGÔ NGUYỄN TRÚC	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/08/2011	thôn 16, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
221	NGÔ PHẠM ÁNH	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/10/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
222	NGUYỄN HOÀNG	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	14/06/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
223	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/09/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
224	NGUYỄN KHÁNH	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/04/2011	Thôn 5, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
225	NGUYỄN MỸ	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/02/2011	Bon Za Lú A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
226	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/09/2011	Thôn 15, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
227	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/04/2011	Bon Ja lú A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
228	NGUYỄN THÙY	LINH	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	01/01/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
229	NGUYỄN THÙY	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/10/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
230	PHAN ĐỨC NHẬT	LINH	Quảng Trị	Nữ	Kinh	24/03/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
231	PHẠM LÊ THÙY	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31/01/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
232	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/12/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
233	TRẦN THỊ CẨM	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	18/07/2011	Thôn 19, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
234	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28/11/2011	Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
235	TRƯƠNG DIỆU	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/04/2011	Thôn 11, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
236	VÕ PHẠM THUỶ	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/02/2011	Thôn 16, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
237	BÙI BẢO	LONG	Ninh Bình	Nam	Kinh	09/01/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
238	HÀ CAO	LONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/09/2010	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
239	HÀ HOÀNG	LONG	Đắk Lắk	Nam	Kinh	05/09/2010	thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
240	HỒ PHI	LONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/12/2010	Thôn Đắk M'rê, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
241	LƯỜNG HIỆU	LONG	TP. Đồng Nai	Nam	Tày	06/04/2011	Bon Đắk N' Jut, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
242	NGUYỄN HOÀNG	LONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	24/09/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
243	NGUYỄN KHÁNH	LONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30/04/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
244	NGUYỄN LÊ THÀNH	LONG	Đắk Lắk	Nam	Kinh	23/10/2011	Thôn 2, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
245	NGUYỄN THANH PHI	LONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/08/2011	Thôn Đắk Sin 16, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
246	PHẠM NHẬT BẢO	LONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28/08/2011	Bon Đắk Blao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1

247	TÔ MINH HOÀNG	LONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	02/12/2011	Thôn 7, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
248	LÊ VĂN	LỘC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	03/12/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
249	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27/05/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
250	NGUYỄN THỊ THU	LỢI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/11/2011	Thôn 3, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
251	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	07/01/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0			NV1
252	NGUYỄN PHẠM NGỌC	LUYẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/04/2011	thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
253	NGUYỄN ĐÌNH	LUYỆN	TP. Hà Nội	Nam	Kinh	10/10/2011	Thôn 2, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
254	ĐẶNG NGỌC THANH	LY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/08/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
255	HÀ THỊ TRÚC	LY	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	06/11/2011	Thôn 2, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
256	LÊ CHÂU BẢO	LY	TP. Huế	Nữ	Kinh	13/12/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
257	LÊ KIỀU	LY	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	21/07/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			26.0	26.0		Khuyết tật	TT
258	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	25/10/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
259	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/02/2011	Thôn 3a, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
260	ĐIỀU	LYSA	Lâm Đồng	Nam	Mnông	17/02/2011	Bon Đăk B'lao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
261	BÙI PHAN THANH	MAI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	03/08/2011	thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
262	BÙI THỊ SƯƠNG	MAI	Quảng Trị	Nữ	Kinh	26/02/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
263	TRẦN QUẢNG	MAI	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	28/07/2011	Bon Jâng Kriêng, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
264	TRIỆU THỊ KIM	MẾN	Lâm Đồng	Nữ	Dao	01/02/2011	Thôn Doãn Văn, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
265	HOÀNG ANH	MINH	Lâm Đồng	Nam	Tày	09/04/2011	Thôn Hưng Bình 1, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
266	LÊ GIA	MINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	02/11/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
267	LIÊN NGUYỄN KHÔI	MINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/08/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
268	LÔ VĂN	MINH	Lâm Đồng	Nam	Thái	11/06/2011	Thôn Quảng Chánh, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
269	LỘC QUANG	MINH	TP. Đồng Nai	Nam	Tày	03/02/2011	Thôn 5, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
270	NGUYỄN BẢO	MINH	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	18/11/2011	ấp cây cam, Xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh			30.0	30.0			NV1

271	NGUYỄN THÀNH ĐỨC	MINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28/02/2011	thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
272	PHẠM BÌNH	MINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/02/2011	Thôn 3, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
273	PHẠM NHẬT	MINH	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	24/06/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
274	TRẦN BÌNH	MINH	Gia Lai	Nam	Kinh	28/11/2011	Thôn 10, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
275	ĐÀM THỊ TRÀ	MY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	08/05/2011	thôn 8, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
276	ĐẶNG HẢI	MY	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	18/04/2011	181D bình lợi, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long			37.0	37.0			NV1
277	ĐỖ THỊ DIỄM	MY	Gia Lai	Nữ	Kinh	15/07/2011	Thôn 11, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
278	HOÀNG THỊ MY	MY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/09/2011	Thôn Bù Đốp, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
279	NGUYỄN HÀ THẢO	MY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12/03/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
280	NGUYỄN LÊ THẢO	MY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	03/09/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
281	NGUYỄN NGỌC HIỀN	MY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	23/10/2011	thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
282	NGUYỄN TRÀ	MY	Nghệ An	Nữ	Kinh	02/07/2011	Thôn 8, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
283	PHAN PHẠM HOÀI	MY	TP. Đà Nẵng	Nữ	Kinh	16/10/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
284	HỒ XUÂN ÁI	MỸ	TP. Đà Nẵng	Nữ	Kinh	08/12/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
285	PHẠM HÀ THANH	MỸ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/12/2011	thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
286	TRẦN LY	NA	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/01/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
287	LÊ NGUYỄN HOÀNG	NAM	Gia Lai	Nam	Kinh	07/09/2011	Chánh Trực, Xã Phù Mỹ Đông, Tỉnh Gia Lai			30.0	30.0			NV1
288	NGUYỄN HẠO	NAM	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29/04/2011	Thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
289	NGUYỄN HOÀNG	NAM	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/11/2011	Bon Za Lú A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
290	NGUYỄN NGỌC BẢO	NAM	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30/03/2011	Bon Đắc Blao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
291	TRIỆU BẢO	NAM	Đắk Lắk	Nam	Dao	16/10/2011	Thôn Doãn Văn, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
292	ĐẶNG QUỲNH	NGA	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	18/06/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
293	PHAN THỊ	NGA	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	17/12/2011	Thôn 3, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
294	PHẠM THỊ NGUYỆT	NGA	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/02/2011	bon Đắc Blao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
295	ĐỖ THỊ BÍCH	NGÂN	Gia Lai	Nữ	Kinh	21/06/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
296	LƯU THỊ KIM	NGÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	25/10/2011	Thôn Bù Đốp, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1

297	MAI THANH	NGÂN	Lâm Đồng	Nữ	Tày	01/01/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
298	VŨ THỊ KIM	NGÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/11/2011	Bon Bu Dong, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0			NV1
299	NGÔ THỰC	NGHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/09/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
300	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/07/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0			NV1
301	PHẠM GIA	NGHI	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	25/09/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
302	NGUYỄN DƯƠNG BẢO	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/06/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
303	NGUYỄN HOÀI BẢO	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/08/2011	Thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
304	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/11/2011	Bon Bu Đor B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
305	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	23/10/2011	Thôn 1, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
306	NGUYỄN THỊ THANH	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/11/2011	Thôn 11, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
307	PHAN THỊ	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/03/2011	thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
308	PHẠM NHƯ	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	08/12/2011	Thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
309	PHẠM TRẦN ÁNH	NGỌC	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	28/05/2011	thôn Tân Bình, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
310	SỸ CẨM	NGỌC	TP. Đồng Nai	Nữ	Hoa	23/06/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
311	VŨ THỊ BÍCH	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12/10/2011	thôn 12, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
312	VƯƠNG BẢO	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/05/2011	Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
313	BÙI NGỌC	NGUYỄN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	21/06/2011	Thôn 4, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
314	ĐỖ PHƯƠNG	NGUYỄN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	03/12/2011	Thôn 1, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
315	LÊ THỊ THẢO	NGUYỄN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	09/01/2011	Thôn 3A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
316	THỊ	NGUYỄN	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	25/11/2010	Bon Jâng Kriêng, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
317	VÕ TRẦN LÊ	NGUYỄN	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	12/07/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
318	BÙI THỊ MINH	NGUYỆT	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/06/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
319	HỒ THỊ	NHÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/10/2011	Bon Jâng Kriêng, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
320	ĐẶNG XUÂN	NHÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	12/05/2011	thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			33.0	33.0			NV1
321	LÊ ĐÌNH	NHÂN	Cao Bằng	Nam	Kinh	28/11/2011	Thôn..., Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
322	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/10/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0			NV1
323	PHẠM THÀNH	NHÂN	Đồng Tháp	Nam	Kinh	21/03/2011	Bon Ja Lú B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1

324	VÕ TRƯỜNG	NHÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/10/2011	Bon Za Lú A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
325	HOÀNG LONG	NHẬT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	23/06/2011	thôn 6, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
326	NGUYỄN QUANG	NHẬT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	21/02/2011	thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
327	CHÍ TUYẾT	NHI	TP. Đồng Nai	Nữ	Hoa	13/11/2011	Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
328	DƯƠNG YẾN	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/04/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
329	LÊ HOÀI YẾN	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	17/01/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
330	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/12/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
331	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	20/08/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
332	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/02/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
333	PHẠM YẾN	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	17/12/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
334	TRẦN VŨ YẾN	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12/02/2011	thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
335	TRỊNH HOÀI	NHI	Gia Lai	Nam	Kinh	24/03/2011	Thôn 8 -, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
336	VÒNG XUÂN	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	21/04/2011	Thôn Đăk Sin 7, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
337	ĐIỀU	NHIẾC	Lâm Đồng	Nam	Mnông	05/12/2011	Bon Za Lú B, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
338	NGUYỄN NGỌC KIỀU	NHUNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/10/2010	Bon Đăk N Jut, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
339	VŨ THỊ HỒNG	NHUNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/05/2011	Thôn 10, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
340	DƯƠNG YẾN	NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/05/2011	Thôn 14, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
341	LÊ HẢI HÀ	NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/05/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
342	LÊ YẾN	NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28/05/2011	Bon Za Lú B, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
343	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	TP. Huế	Nữ	Kinh	10/11/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
344	THỊ	NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	18/07/2010	Bon Za Lú A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
345	THỊ KHÔI	NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	05/11/2011	Bon Ja Lú, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
346	NGUYỄN QUANG	NINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31/07/2011	Thôn Doãn văn, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
347	THỊ	NOAI	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	25/08/2011	Thôn 6, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
348	ĐIỀU	PHA	Lâm Đồng	Nam	Mnông	31/01/2011	Bon Đăk N'Jút, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1

349	BẠCH THÀNH	PHÁT	Đắk Lắk	Nam	Kinh	24/09/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
350	BÙI TẤN	PHÁT	Gia Lai	Nam	Kinh	02/06/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
351	ĐOÀN NGỌC	PHÁT	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	23/02/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
352	NGUYỄN ĐÌNH TÀI	PHÁT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/01/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
353	PHẠM HOÀNG	PHÁT	Đắk Lắk	Nam	Kinh	28/04/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
354	VŨ ĐỨC	PHÁT	Hung Yên	Nam	Kinh	10/02/2011	Bon Bu Kóh, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
355	BÙI NGUYỄN	PHONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/09/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
356	NGUYỄN NAM	PHONG	Nghệ An	Nam	Kinh	05/11/2011	Thôn 14, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
357	LÊ CHÂU	PHÚ	Gia Lai	Nam	Kinh	02/08/2011	Thôn 4, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
358	NGUYỄN NHẬT	PHÚ	Đồng Tháp	Nam	Kinh	16/10/2011	Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
359	CHU THỊ HỒNG	PHÚC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	25/03/2011	Thôn 6, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
360	DOANH ĐỨC	PHÚC	Lâm Đồng	Nam	Tày	18/08/2011	Thôn Doãn Văn, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0			NV1
361	NGUYỄN DUY	PHÚC	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	27/10/2011	Thôn 3, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
362	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/04/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
363	NGUYỄN THỊ	PHÚC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	17/11/2011	Thôn Đăk Sin 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
364	NGUYỄN TRẦN	PHÚC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	21/06/2011	Thôn 10, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
365	PHẠM ĐÌNH	PHÚC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/08/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0			NV1
366	ĐOÀN NGUYỄN KHÁNH	PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/07/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
367	NGUYỄN THỊ HUYỀN	PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/01/2011	Bon Bundrong B, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
368	NGUYỄN VÕ HÀ	PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	18/07/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
369	PHẠM QUẾ	PHƯƠNG	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	06/12/2011	Thôn 6, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0			NV1
370	HỒ THIÊN	PHƯỚC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/11/2011	Thôn 16, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
371	NGUYỄN THỊ THU	PHƯỚC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	04/03/2011	Thôn 8, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
372	LỘC THỊ KIM	PHƯƠNG	Quảng Ninh	Nữ	Nùng	18/05/2011	Thôn Đăk Quong, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
373	ĐẶNG ĐÌNH	QUÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/01/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
374	LÊ CÔNG ANH	QUÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28/03/2011	thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1

375	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	QUÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/09/2011	thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
376	NGUYỄN MẠNH	QUÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	22/08/2011	thôn 11, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
377	VĂN CÔNG	QUÂN	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	04/08/2011	Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
378	NGUYỄN TRẦN TRÚC	QUYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/08/2011	Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
379	TRƯƠNG QUANG	QUYÊN	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	24/02/2011	thôn 8, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			33.0	33.0			NV1
380	ĐỖ VY TRÚC	QUỲNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/12/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
381	HỒ KHẢ	QUỲNH	Gia Lai	Nữ	Kinh	15/07/2011	thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
382	LÊ ĐIỂM	QUỲNH	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	18/11/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
383	PHAN THỊ NHƯ	QUỲNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/12/2011	thôn 12, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
384	PHẠM ĐIỂM	QUỲNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/01/2011	Thôn 3, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
385	PHẠM THỊ NHƯ	QUỲNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/10/2011	Thôn 8, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
386	PHẠM THÚY	QUỲNH	Phú Thọ	Nữ	Kinh	25/02/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
387	MAI NHẬT	QUÝ	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11/05/2011	Bon Za Lú A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
388	VŨ DUY	QUÝ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	02/11/2010	Thôn 4, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
389	ĐẶNG HỮU	SANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/05/2011	Thôn 11, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
390	PHẠM VŨ	SANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	13/04/2011	Thôn 3a, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
391	VŨ THỊ ÁNH	SÂM	Nghệ An	Nữ	Kinh	17/03/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
392	LÊ HUY	SƠN	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	28/07/2011	Thôn 2, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
393	ĐIỀU	SỸ	Lâm Đồng	Nam	Mnông	15/03/2011	Bon B Mlanh B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
394	HỒ TRẦN ANH	TÀI	Đắk Lắk	Nam	Kinh	10/09/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
395	TRẦN ĐỒNG TRÍ	TÀI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	26/05/2011	thôn tân bình, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
396	TRẦN VĂN	TÀI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	14/06/2011	Thôn 14, Kiến Đức, Lâm Đồng, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
397	VŨ TẤN	TÀI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/11/2011	Bon Ja Lú, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
398	VŨ THIÊN	TÀI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/05/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0			NV1
399	ĐỖ THANH	TÂM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/06/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
400	LAI THIÊN	TÂM	Lâm Đồng	Nam	Hoa	04/07/2010	Thôn 3, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1

401	PHẠM THỊ KIỀU	TÂM	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15/08/2011	thôn 14, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
402	ĐỖ NHẬT	TÂN	TP. Cần Thơ	Nam	Kinh	05/01/2011	Thôn 9, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
403	NGUYỄN MINH	TÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29/09/2011	Thôn 6, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
404	TRẦN BÀN NGỌC	THANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	17/09/2010	Thôn Doãn Văn, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
405	NGUYỄN NHẬT	THÀNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/11/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
406	ĐIỀU	THẢO	Lâm Đồng	Nam	Mnông	30/04/2010	Bon Đăk B'lao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		25.0	26.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
407	NGÔ HOÀNG BÍCH	THẢO	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	25/05/2011	Thôn Đăk R'Tăng, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
408	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	27/04/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
409	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/10/2011	Thôn 11, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
410	NGUYỄN VI PHƯƠNG	THẢO	Lâm Đồng	Nữ	Tày	22/12/2010	Bon Đăk Blao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
411	PHẠM MINH NHƯ	THẢO	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	03/10/2011	Thôn 8, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
412	TRẦN THỊ THANH	THẢO	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	18/04/2011	Thôn 7, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
413	PHẠM QUANG	THẮNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27/11/2011	thôn 15, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
414	BÙI KHÁNH	THI	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	03/07/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
415	TRƯƠNG NGUYỄN HÀ	THI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	04/02/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
416	ĐỖ HOÀNG	THIỆN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	02/10/2011	Thôn Đăk Ru 6, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
417	TRIỆU THANH	THIỆN	Thái Nguyên	Nam	Dao	14/03/2011	thôn Doãn Văn, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
418	HOÀNG THỊ DIỆU	THIỆN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/03/2011	thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
419	NGUYỄN NGỌC	THIỆN	Quảng Trị	Nữ	Kinh	20/10/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
420	LÊ QUỐC	THỊNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	13/06/2011	Thôn 17, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
421	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	17/10/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
422	NGUYỄN HOÀI ANH	THƠ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/03/2011	Thôn 11, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1

423	TRẦN MINH	THUẬN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	13/09/2011	Thôn 9, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0			NV1
424	VÕ VĂN	THUẬN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/12/2011	Thôn 7, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
425	ĐỖ NGỌC	THÙY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	04/09/2011	Bon Bu Kóh, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
426	NGUYỄN THỊ	THÙY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/10/2011	Thôn 11, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
427	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỦY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	08/02/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
428	THỊ	THỦY	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	04/07/2011	Thôn 2, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
429	DƯƠNG THỊ THANH	THÚY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/09/2011	bon Đăk Blao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
430	NGUYỄN PHƯƠNG	THÚY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	11/02/2011	Bon N'Jang Bơ, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
431	CHU HOÀNG MINH	THU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/05/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
432	ĐÌNH SONG	THU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/10/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
433	HÀ LINH	THU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/04/2011	Thôn ..., Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
434	LÂM THỊ KIM	THU	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	17/12/2011	Bon Ja Lú A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
435	LÊ PHẠM KỶ	THU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/05/2011	Thôn Quảng Lộc, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
436	LÊ PHẠM THANH	THU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	04/01/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
437	NGUYỄN ANH	THU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/01/2011	Thôn 7, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
438	NGUYỄN HOÀNG ANH	THU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/06/2011	Thôn 10, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
439	PHẠM ANH	THU	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	26/11/2011	Bon Ja Lú, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0			NV1
440	PHẠM TRẦN ANH	THU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/01/2011	Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
441	THÁI NỮ ANH	THU	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	09/10/2011	thôn Tân Lý, Xã Kim Phú, Tỉnh Quảng Trị			34.0	34.0			NV1
442	TRẦN ANH	THU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/08/2011	Thôn 4, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
443	VY THỊ THANH	THU	TP. Đà Nẵng	Nữ	Kinh	24/05/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
444	NGUYỄN KHÁNH	THƯỜNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/12/2011	Bon Ja Lú B, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
445	PHẠM NGUYỄN HOÀI	THƯỜNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28/07/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
446	LÊ NGUYỄN KHÁNH	THY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/06/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
447	VÕ LÊ AN	THY	TP. Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30/05/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
448	HUỖNH NGỌC THUỶ	TIỀN	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	24/09/2011	thôn 10, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
449	NGUYỄN THỊ THÚY	TIỀN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/07/2011	Thôn Đăk sin 16, Xã Quảng Tín, Tỉnh			30.0	30.0			NV1

							Lâm Đồng							
450	HỒ NHẬT	TIỀN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	22/07/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
451	NGUYỄN MINH	TIỀN	Đắk Lắk	Nam	Kinh	02/03/2011	bon Đắk Blao, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
452	NGUYỄN ĐÌNH	TOÀN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/05/2011	Thôn 11, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
453	BÙI THỊ THU	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	23/06/2011	Thôn 13, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
454	LÊ MINH KIM	TRANG	TP. Huế	Nữ	Kinh	13/12/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
455	LÊ VŨ MINH	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	23/11/2011	Thôn 9, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
456	NGUYỄN THỊ ĐOAN	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/03/2011	Thôn 17, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
457	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/07/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
458	PHẠM HUYỀN	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	25/02/2011	Thôn 8, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
459	THỊ THU	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	03/08/2011	Bon Bu Đách, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
460	TÔ THỊ KIỆU	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Sán Diu	25/11/2011	Thôn 8, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
461	VŨ PHẠM THUỶ	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/06/2011	Thôn 8, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
462	LÊ LÊ HƯƠNG	TRÀ	TP. Huế	Nữ	Kinh	01/10/2011	Bon Mê Ra, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
463	LÊ THỊ HƯƠNG	TRÀ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/07/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
464	ĐÌNH LÊ BẢO	TRÂM	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	11/11/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
465	HOÀNG THỊ QUẾ	TRÂM	Lâm Đồng	Nữ	Mường	04/04/2011	Thôn 12, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
466	LÊ THỊ BẢO	TRÂM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/08/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
467	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/05/2011	Bon Bu Đách, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
468	LÊ NGỌC BẢO	TRÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28/07/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
469	LÊ THỊ HUYỀN	TRÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/10/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
470	PHẠM LÊ BẢO	TRÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	29/01/2011	Thôn 1, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
471	TRỊNH ĐỖ NGỌC	TRÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/02/2011	Thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
472	THỊ	TRIỀU	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	19/05/2011	Thôn Đắk Quong, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
473	VŨ MINH	TRIỀU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	26/01/2011	Thôn Đắk sin 16, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
474	ĐẶNG HOÀNG NGỌC	TRINH	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	30/03/2011	Bon Đu Bách, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
475	ĐIỀU THỊ HẠNH	TRINH	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	14/01/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0			NV1

476	PHAN NGOC TUYẾT	TRINH	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10/12/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
477	VÕ NGỌC PHƯƠNG	TRINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	03/03/2011	Thôn 17, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
478	VÕ THỊ VIỆT	TRINH	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	27/03/2011	Chà Rang, Xã Xuân Thành, Tỉnh Đồng Nai			36.0	36.0			NV1
479	NGUYỄN LÊ KHÁNH	TRÌNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	07/09/2010	thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng						Khuyết tật	TT
480	NGUYỄN HUỆ	TRÍ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29/04/2011	Thôn 3a, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
481	PHAN QUANG MINH	TRÍ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28/08/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
482	NGUYỄN LÊ BẢO	TRỌNG	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	07/12/2011	thôn Đắc sin 16, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
483	TỪ NGHĨA	TRỌNG	Lâm Đồng	Nam	M Nông	11/06/2011	Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
484	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	Gia Lai	Nam	Kinh	16/06/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
485	PHẠM ĐỨC	TRUNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	21/08/2011	Thôn 6, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
486	VÕ VĂN	TRUNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/05/2011	Thôn 9, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
487	CAO THỊ HOÀI	TRÚC	Gia Lai	Nữ	Kinh	24/04/2011	thôn 7, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
488	ĐẶNG THỊ NHẢ	TRÚC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/01/2011	Thôn 10, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
489	ĐỖ THI THANH	TRÚC	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	13/10/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
490	HUỲNH PHAN THANH	TRÚC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	17/07/2011	Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
491	LỮ HÀ THANH	TRÚC	Lâm Đồng	Nữ	Thái	16/12/2011	Thôn 1A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
492	NGÔ THANH	TRÚC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/01/2011	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
493	NGUYỄN THANH	TRÚC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/05/2010	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
494	PHAN VĂN	TRƯỜNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	06/11/2011	bonbu ndrongb, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
495	TRẦN QUANG	TRƯỜNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	03/07/2011	Bon Bu NĐor A, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0			NV1
496	BÙI TRẦN THÁI	TUẤN	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	22/02/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
497	ĐÀO NGỌC ANH	TUẤN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/09/2011	Thôn 5, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
498	LÊ ANH	TUẤN	Gia Lai	Nam	Kinh	09/10/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
499	LÊ THANH	TUẤN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/06/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
500	NGUYỄN ANH	TUẤN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/04/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
501	VUÔNG HOÀNG	TUẤN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	22/04/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1

502	VÕ TÁ	TUỆ	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	10/10/2011	Thôn 1, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
503	LƯU THỊ THANH	TUYỀN	TP. Đà Nẵng	Nữ	Kinh	21/12/2011	Thôn 7, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
504	LÊ THỊ ÁNH	TUYẾT	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12/10/2011	Thôn Đăk Sin 12, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
505	MAI GIÁNG	TUYẾT	Đăk Lăk	Nữ	Kinh	11/08/2011	thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0			NV1
506	DƯƠNG ĐÌNH	TÙNG	Lâm Đồng	Nam	Dao	11/10/2011	Thôn Doãn Văn, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
507	NGÔ QUANG	TÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/09/2011	thôn 7, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
508	PHẠM QUANG	TÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	06/09/2011	thôn 8, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
509	TRẦN MAI TUẤN	TÚ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/11/2011	Bon Bu Đăch, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
510	MAI THỊ	TUỔI	Hung Yên	Nữ	Kinh	14/08/2011	Bon Bu NĐor A, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
511	HỒ CÁT	TUỞNG	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31/03/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
512	TRẦN KHIẾT	TUỞNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/08/2011	Thôn 4, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
513	DƯƠNG TỔ	UYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/11/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
514	LÊ NGUYỄN MINH	UYÊN	TP. Cần Thơ	Nữ	Kinh	15/08/2011	Xã Bảo Lâm 1, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
515	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	Quảng Trị	Nữ	Kinh	30/06/2011	Bon Bu Mlanh B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
516	NGUYỄN THỊ KIỀU	UYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	25/03/2011	Thôn 3A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
517	VÕ PHƯƠNG	UYÊN	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	15/10/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
518	HOÀNG HÀ THẢO	VÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/10/2011	Thôn 12 Đăk Sin, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
519	PHAN THỊ THÚY	VÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	25/04/2011	Thôn 3a, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
520	ÂU THỊ PHƯƠNG	VI	Lâm Đồng	Nữ	Cao Lan	07/10/2011	Bon Ja lú A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
521	LÊ THỊ THẢO	VI	Đăk Lăk	Nữ	Kinh	06/08/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
522	ỪNG PHƯƠNG	VI	TP. Đồng Nai	Nữ	Hoa	07/11/2010	Thôn 8, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
523	NGUYỄN PHÚC	VIỄN	TP. Đồng Nai	Nam	Mường	06/10/2011	Bon Jâng Kriêng, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
524	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	Lâm Đồng	Nam	Mnông	10/09/2011	Thôn 3, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
525	TRẦN ĐẠI	VIỆT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	19/10/2011	Thôn 16, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
526	TRẦN QUỐC	VIỆT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31/10/2011	Thôn ..., Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
527	LÊ VŨ NGỌC	VĨ	Nghệ An	Nam	Kinh	01/01/2010	Thôn Doãn Văn, Xã Tuy Đức, Tỉnh	1.0		28.0	29.0			NV1

							Lâm Đồng							
528	LUƠNG THẾ	VĨ	Đắk Lắk	Nam	Kinh	13/03/2011	Thôn 9, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
529	PHAN THỊ NGỌC	VĨ	TP. Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19/05/2011	Thôn 7, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
530	HOÀNG ĐÌNH	VỦ	Quảng Trị	Nam	Kinh	12/08/2011	Bon Bu Mlanh B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
531	ĐỖ LÊ THANH	VUÔNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/04/2011	Thôn 6, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
532	LIỄU CHÍ	VUÔNG	Lâm Đồng	Nam	Hoa	26/11/2011	Thôn Đắk Quoenh, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
533	NGUYỄN TRẦN XUÂN	VUÔNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	24/11/2011	Thôn 3, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
534	CHU ĐÌNH NGỌC	VY	TP. Đồng Nai	Nữ	Tày	01/10/2011	Thôn Đắk Quoenh, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
535	ĐÀO NGUYỄN TƯỜNG	VY	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	03/04/2011	Thôn 1, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
536	ĐẬU DƯƠNG TƯỜNG	VY	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	27/08/2011	Thôn 17, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
537	HOÀNG KHÁNH	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/09/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
538	HUỲNH THỊ THẢO	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	08/06/2011	Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
539	HUỲNH THỊ TƯỜNG	VY	An Giang	Nữ	Kinh	13/06/2011	Thôn 8, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
540	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	14/11/2011	Thôn 5, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
541	NGHIÊM MINH	VY	TP. Đồng Nai	Nữ	Hoa	03/10/2011	thôn 7, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
542	NGUYỄN DƯƠNG THẢO	VY	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	03/01/2011	Thôn 7, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
543	NGUYỄN LÊ	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/11/2011	Thôn 1, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
544	NGUYỄN LÊ TƯỜNG	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/03/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
545	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	Ninh Bình	Nữ	Kinh	23/12/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
546	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/05/2011	Thôn 6, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
547	NGUYỄN THỊ THẢO	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12/01/2011	Thôn 7, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
548	PHAN NGỌC PHƯƠNG	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	29/10/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
549	TRẦN LÊ YẾN	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/12/2011	Thôn 15, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
550	THỊ	XUÂN	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	04/05/2011	Bon Diêng Ngaih, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
551	NGUYỄN HẢI	YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/04/2011	Bon Bu Mlanh B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
552	NGUYỄN NGỌC BẢO	YẾN	Gia Lai	Nữ	Kinh	30/09/2010	Thôn 4, Xã Quảng Tín, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1

553	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/09/2011	thôn 16, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
554	NGUYỄN TRẦN KIM	YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	14/08/2011	Thôn 15, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
555	PHẠM HOÀNG HẢI	YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/07/2011	Thôn 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
556	PHÙNG PHI	YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	26/04/2011	Bon Jâng Kriêng, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
557	VŨ THỊ HẢI	YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	16/10/2011	Thôn 2, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
558	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/06/2011	tổ DP 3, Xã Kiến Đức, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
559	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/12/2011	Thôn 10, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
560	THỊ LU	ZA	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	08/12/2011	Bon Za Lú B, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1

Danh sách này có 560 học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2026 - 2027.